

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (sau đây gọi tắt là Sacombank/Ngân hàng) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Sacombank thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày/...../2021.

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ****Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a) “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);
 - b) “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);
 - c) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng;
 - d) “Ngân hàng Nhà nước/NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - e) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - g) “Vốn pháp định” là mức vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập tổ chức tín dụng;
 - h) “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Sacombank được Ngân hàng nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - i) “Địa bàn hoạt động” là phạm vi địa lý mà tại đó Sacombank được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của Pháp luật;
 - j) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Sacombank được quy định tại khoản 9 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Sacombank thông qua bằng Nghị quyết;
 - k) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

- l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của Sacombank;
 - m) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Sacombank;
 - n) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Sacombank;
 - o) “Cổ phần” là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
 - p) “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Sacombank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Sacombank;
 - q) “Sổ đăng ký Cổ đông” có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;
 - r) “Người điều hành Ngân hàng” bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;
 - s) “Người quản lý Ngân hàng” bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;
 - t) “Người có liên quan” của một tổ chức, cá nhân là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân đó thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;
 - u) “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;
 - v) “Tổ chức lại Ngân hàng”: Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - w) “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của Sacombank thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư;
 - x) “Công ty liên kết” là công ty trong đó Sacombank hoặc Sacombank và người có liên quan của Sacombank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của Sacombank;
 - y) “Công ty con” là công ty thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 30 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản Pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản Pháp luật thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II THÔNG TIN CỦA SACOMBANK

Điều 2. Thông tin của Sacombank

Sacombank được phép thành lập theo sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
2. Người đại diện theo pháp luật của Sacombank là Tổng giám đốc Sacombank. Tổng giám đốc Sacombank là người đại diện cho Sacombank thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Sacombank, đại diện cho Sacombank với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Sacombank phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người quản lý, người điều hành của Sacombank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định của Khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Sacombank chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Sacombank trở lại làm việc tại Sacombank hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Sacombank.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Sacombank hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Sacombank.

3. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Tên viết tắt bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: SAI GON THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SACOMBANK

Tên giao dịch: SACOMBANK

4. Trụ sở chính đặt tại : 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (+84 8) 38469516
Fax : (+84 8) 39320424
Email : info@Sacombank.com
Trang web : <http://www.sacombank.com>
SWIFT code : SGTTVNVX
5. Địa chỉ, tên gọi của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con được ghi theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
6. Vốn Điều lệ là **18.852.157.160.000 đồng** (Mười tám ngàn tám trăm năm mươi hai tỷ một trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).
Vốn Điều lệ của Sacombank có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của NHNN, của Pháp luật về việc thay đổi mức Vốn điều lệ. Số Vốn điều lệ mới sau khi được đăng ký theo quy định của Pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung Điều khoản này.
7. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
8. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của Pháp luật.
9. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm.
10. Địa bàn hoạt động: trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, Sacombank có thể hoạt động tại các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nếu được Thống đốc NHNN và chính quyền nước sở tại cho phép.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA SACOMBANK

Điều 3. Mục tiêu của Sacombank

1. Mục tiêu của Sacombank là lợi nhuận, đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.
2. Các mục tiêu khác: quyền lợi của Cổ đông, đời sống của nhân viên, lợi ích của khách hàng cùng sự phát triển bền vững lâu dài của Sacombank cũng là những mục tiêu của Sacombank, phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số

các mục tiêu này cần được NHNN chấp nhận, thì Sacombank chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Điều 4. Hoạt động ngân hàng của Sacombank

1. Đối với các nội dung hoạt động nêu tại Điều này và tại các Điều khoản khác có liên quan, Sacombank chỉ thực hiện trên cơ sở nội dung hoạt động đã được quy định tại Giấy phép và/hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
2. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
3. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
4. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
5. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
6. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
7. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 5. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước

Sacombank được vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính

Sacombank được vay, cho vay, gửi, nhận vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Mở tài khoản

1. Sacombank phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
2. Sacombank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.
3. Sacombank được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài.
4. Sacombank được gửi ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn).

Điều 8. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán

1. Sacombank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
2. Sacombank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần

1. Sacombank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.
2. Sacombank phải thành lập hoặc mua lại Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. Sacombank được thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Sacombank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.

5. Việc thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Sacombank theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập Công ty con, Công ty liên kết của Sacombank thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

6. Sacombank, công ty con của Sacombank được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Tham gia thị trường tiền tệ

Sacombank được tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Điều 11. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Sacombank được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:
 - a) Ngoại hối;
 - b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Sacombank thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phạm vi kinh doanh ngoại hối; điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng.
3. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Sacombank cho khách hàng thực hiện theo quy định của Pháp luật về ngoại hối.

Điều 12. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý

Sacombank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ủy thác và nhận ủy thác đối với các hoạt động: cho vay, cho thuê tài chính, góp vốn mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Sacombank

1. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

2. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
4. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
5. Lưu ký chứng khoán.
6. Ví điện tử.
7. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
8. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
9. Mua nợ.
10. Bảo lãnh, tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
11. Kinh doanh vàng; kinh doanh, mua, bán vàng miếng; mua, bán giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ quốc tế; đại lý cung cấp chữ ký số; cung cấp dịch vụ Sàn giao dịch thương mại điện tử; cho vay ra nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 14. Hoạt động ngân hàng điện tử

Sacombank được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNN về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 15. Kinh doanh bất động sản

Sacombank không được kinh doanh bất động sản trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Sacombank.
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Sacombank.
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Sacombank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại

bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 71 của Điều lệ này.

Điều 16. Tỷ lệ bảo đảm an toàn và dự phòng rủi ro

1. Tỷ lệ bảo đảm an toàn

- a) Sacombank phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - (i). Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - (ii). Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
 - (iii). Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
 - (iv). Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - (v). Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
 - (vi). Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh;
 - (vii). Các tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật.
- b) Sacombank khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
- c) Tổng số vốn của Sacombank đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Sacombank dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.

2. Dự phòng rủi ro

- a) Sacombank phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động;
- b) Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- c) Trong trường hợp Sacombank thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của Sacombank.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 17. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Sacombank được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Sacombank phải đảm bảo mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức Vốn pháp định theo quy định của Pháp luật.

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Sacombank không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
 - b) Góp vốn, mua Cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c) Thành lập Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết theo quy định của Pháp luật;
 - d) Cấp tín dụng;
 - e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 18. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Tăng Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Sacombank có thể được tăng từ các nguồn sau:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của Pháp luật;
- b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng; phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
- d) Các nguồn khác theo quy định của Pháp luật.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Sacombank phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được chấp thuận hoặc được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định Pháp luật hiện hành.

Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Sacombank phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới, đồng thời thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Sacombank gồm các nguồn sau đây:

1. Vốn chủ sở hữu:

- a) Vốn điều lệ của Sacombank;
- b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- c) Thặng dư vốn cổ phần;
- d) Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
- e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
- f) Vốn khác thuộc sở hữu của Sacombank.

2. Vốn huy động:

- a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá;
- b) Vốn nhận ủy thác đầu tư;
- c) Vốn vay của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;
- d) Vốn vay của Ngân hàng Nhà nước.

3. Vốn khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 20. Cổ phần, Cổ đông, Mệnh giá Cổ phần, Phát hành trái phiếu

1. Sacombank có tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
2. Các loại cổ phần, cổ đông:
 - a) Sacombank phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi;
 - b) Sacombank có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Mệnh giá 1 (một) Cổ phần của Sacombank là 10.000đ (mười nghìn VNĐ).
4. Sacombank có thể mua Cổ phần do chính Sacombank đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Việc mua lại, sử dụng, bán cổ phần đã phát hành được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Việc thông qua phương án phát hành các loại trái phiếu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

Điều 21. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau:
 - a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2,3 Điều 103 và khoản 3 Điều 110 của Luật các Tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật các tổ chức tín dụng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của Sacombank, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của

Ngân hàng và Người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.

4. Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam được thực hiện theo quy định của Chính phủ.
5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

Điều 22. Cổ phiếu

1. Các nội dung liên quan đến Cổ phiếu thực hiện như sau:
 - a) Cổ phiếu của Sacombank phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Sacombank;
 - (ii). Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - (iii). Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - (iv). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - (v). Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Sacombank;
 - (vi). Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Sacombank và ngày phát hành cổ phiếu;
 - (vii). Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
 - b) Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Sacombank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Sacombank chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
 - c) Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Sacombank cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (i). Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii). Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
2. Cổ phiếu của Sacombank không được sử dụng để cầm cố tại Sacombank.
3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Sacombank phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua.

Điều 23. Chào bán, chuyển nhượng, thu hồi và mua lại Cổ phần

1. Chào bán cổ phần:

- a) Chào bán cổ phần là việc Sacombank tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - (i) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - (ii) Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - (iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- b) Việc Chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán;
- c) Sacombank thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

- a) Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Sacombank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ;
- b) Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định Pháp luật;
 - (ii). Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - (iii). Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Việc chuyển nhượng Cổ phần niêm yết được thực hiện theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán.

3. Việc mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông hoặc theo quyết định của Sacombank thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và theo quy định sau:

- a) Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:
 - (i). Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Sacombank mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Sacombank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Sacombank trong thời

hạn mười ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

- (ii). Sacombank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết (i) khoản này với giá thị trường. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Sacombank giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Sacombank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động Sacombank, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Sacombank thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.

b) Mua lại Cổ phần theo quyết định của Sacombank:

Sacombank có quyền mua lại không quá 30% tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi Cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- (i). Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai tháng. Trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- (ii). Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết (iii) khoản này. Đối với Cổ phần loại khác, nếu Sacombank và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- (iii). Sacombank có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần của họ trong Sacombank theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - Quyết định mua lại Cổ phần của Sacombank phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Sacombank, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông bán Cổ phần của họ cho Sacombank.
 - Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán Cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Sacombank trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông. Sacombank chỉ mua lại Cổ phần trong thời hạn nói trên.

c) Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại thực hiện như sau:

- (i). Cổ phần được mua lại theo quy định tại điểm a, b khoản này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Sacombank phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Sacombank mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;
- (ii). Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ phiếu.

Sacombank chỉ được thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Sacombank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông

Các nội dung liên quan đến Sổ đăng ký Cổ đông thực hiện như sau:

1. Sacombank phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Sacombank;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Sacombank trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Sacombank để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Sacombank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 25. Quyền của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật và/hoặc Điều lệ này quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận Cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Sacombank;
- d) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Sacombank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại Sacombank khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản;
- h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; Người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
- j) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Sacombank có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- k) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Sacombank công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - (i). Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Sacombank;
 - (ii). Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Sacombank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số

lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Sacombank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(iii). Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

m) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và một ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và hai ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và ba ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và bốn ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và năm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và sáu ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và bảy ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và tám ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.

Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

2. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, có quyền đề nghị đình chỉ, hủy bỏ quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Sacombank là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông Sacombank không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Sacombank và chỉ có hiệu lực đối với Sacombank kể từ ngày Sacombank nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi Cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông của Sacombank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a) Thanh toán đủ số Cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Sacombank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Sacombank trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Sacombank;

- b) Không được rút vốn Cổ phần đã góp ra khỏi Sacombank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ của Sacombank, trừ trường hợp được Sacombank hoặc người khác mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Sacombank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Sacombank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - c) Chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Sacombank; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Sacombank;
 - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Sacombank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm Pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g) Bảo mật các thông tin được Sacombank cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Sacombank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Trách nhiệm của cổ đông lớn:
- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Sacombank, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank;
 - b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Sacombank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Sacombank. Sacombank có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp Sacombank phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Sacombank.
2. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Sacombank;
- b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
- e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Sacombank và Cổ đông của Sacombank;
- g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Sacombank;
- h) Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- i) Thông qua việc mua lại Cổ phần đã bán;
- j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Sacombank;
- l) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- m) Quyết định thành lập công ty con;
- n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Sacombank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Sacombank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn của Sacombank; Công ty con, Công ty liên kết của Sacombank;
- q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;
- r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Sacombank.
- s) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Sacombank, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Sacombank;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Sacombank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Sacombank;
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Sacombank.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Sacombank.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đại diện Sacombank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Sacombank hoàn lại.
9. Ngoài ra, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi có yêu cầu của NHNN. Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Sacombank, NHNN có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị của Sacombank triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định về nội dung NHNN yêu cầu.

Điều 29. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Sacombank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Sacombank phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Sacombank phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại của Sacombank trong từng thời kỳ.

Điều 30. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm I khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Sacombank chậm nhất là ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định

tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; và đăng trên trang thông tin điện tử của Sacombank; trường hợp Sacombank xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.
4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Sacombank. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm c khoản này;
 - b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
 - c) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - (i). Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii). Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii). Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv). Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - (v). Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này.

3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

- a) Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - (i). Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - (ii). Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - (iii). Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - (iv). Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- c) Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- d) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

- e) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- f) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
- g) Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - (i). Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - (ii). Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- h) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - (i). Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (ii). Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (iii). Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- i) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm h Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, o và q khoản 2 Điều 27 thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc

Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Sacombank;
 - f) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
 - g) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - h) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
2. Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 2 Điều 27 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định như sau:
- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Sacombank trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.
 - b) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 29 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
 - c) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (iv). Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- (v). Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi). Thời hạn phải gửi về Sacombank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Sacombank bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau:
- (i). Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Sacombank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii). Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Sacombank phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - (iii). Các phiếu lấy ý kiến gửi về Sacombank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- e) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Sacombank.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (iii). Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (iv). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v). Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vi). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- f) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Sacombank;
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank;
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định như sau:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (ii). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- (iii). Chương trình và nội dung cuộc họp;
- (iv). Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- (v). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (vi). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- (viii). Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix). Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Sacombank trong thời hạn hai mươi bốn giờ, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên

bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Sacombank.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN theo quy định.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm I khoản 1 Điều 25 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Sacombank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Sacombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bao gồm một Chủ tịch, hai Phó chủ tịch và một số thành viên, thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định có liên quan tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Hội đồng quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành Ngân hàng.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Sacombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
5. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị của Sacombank trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Sacombank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
7. Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng, Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Các quyền hạn, nhiệm vụ của các Ủy ban này được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 37. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Sacombank nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Sacombank.
2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát của Sacombank có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Sacombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Sacombank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
7. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần trong một năm. Số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

Điều 38. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày và là người điều hành cao nhất của Sacombank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Sacombank theo phân công, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và pháp luật về nội dung được phân công.
4. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc.

Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương của Sacombank:
 - a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của Pháp luật về cán bộ, công chức và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm Pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - f) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Sacombank;
 - g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của Sacombank;
 - h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Công ty con của Sacombank:
- a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Sacombank;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp

trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Sacombank;

3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Sacombank.

Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Sacombank không được đồng thời là Người điều hành của Sacombank và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của Sacombank không được đồng thời là Người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Sacombank hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Sacombank.

Thành viên Hội đồng quản trị của Sacombank chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

2. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên của Sacombank hoặc Công ty con của Sacombank hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Sacombank là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành tại Sacombank.
3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Sacombank. Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Sacombank

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên;
 - d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý Sacombank;
 - e) Thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Sacombank và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Sacombank trong 03 năm liền trước đó;
 - f) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - d) Có ít nhất 05 năm làm Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không phải là người đang làm việc cho Sacombank hoặc Công ty con của Sacombank hoặc đã làm việc cho Sacombank hoặc Công ty con của Sacombank trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Sacombank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.
3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Sacombank, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Sacombank hoặc Công ty con của Sacombank.
4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Sacombank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Sacombank.
5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Sacombank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 43. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Điều 39 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Sacombank khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
 - g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.
2. Hội đồng quản trị của Sacombank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của Pháp luật.
- a) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát;
 - c) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này khi chưa có người thay thế, Hội đồng quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Sacombank để đảm bảo Sacombank hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh). Người được cử điều hành Sacombank phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Sacombank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 44. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Sacombank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Sacombank;
 - c) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41, 42 của Điều lệ này;
 - e) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Sacombank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Sacombank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước Pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó:
 - a) Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế;
 - b) Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Sacombank để đảm bảo Sacombank hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh). Người được cử điều hành Sacombank phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

Điều 45. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Sacombank vi phạm quy định tại Điều 40 của Điều lệ này, quy định khác của Pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Người điều hành của Sacombank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Sacombank hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 46. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này.

Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

2. Sacombank phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 47. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Sacombank phải công khai với Sacombank các thông tin sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Sacombank phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank.
4. Sacombank phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sacombank nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Sacombank, cổ đông.
3. Trung thành với Sacombank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Sacombank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Sacombank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Sacombank, cổ đông.
4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Sacombank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Sacombank, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Sacombank.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Sacombank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Sacombank và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Sacombank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Sacombank.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Sacombank bị lỗ.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Sacombank.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Sacombank, công ty con, công ty do Sacombank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng

đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Sacombank phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:
 - a) Sacombank có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - b) Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - (i). Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - (ii). Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - (iii). Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Sacombank theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Sacombank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - e) Thù lao và các khoản lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Tiền lương, Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Thù lao hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát không vượt quá tổng mức Ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Sacombank theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Sacombank;
 - d) Thù lao và các khoản lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Sacombank.
3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này.
4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
5. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị nghiệp vụ, Công ty con và Ngân hàng con của Sacombank.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối, Giám đốc khu vực, Chủ tịch Công ty Con, Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng thành viên Công ty con/Ngân hàng con, Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
8. Cử người đại diện vốn góp của Sacombank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Sacombank từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Sacombank quy định tại điểm o khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này.
10. Quyết định các khoản cấp tín dụng, bao gồm các các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này.
11. Thông qua các hợp đồng của Sacombank với Công ty con, Công ty liên kết của Sacombank; các hợp đồng của Sacombank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn, Người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Sacombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Sacombank phù hợp với các quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông. Các quy định này là cơ sở xác định quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Ủy ban, hội đồng và các Đơn vị thuộc Sacombank.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Sacombank.
15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của Pháp luật.
17. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của Pháp luật.
18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Sacombank.
20. Quyết định mua lại cổ phần của Sacombank.

21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
23. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
24. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
25. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
26. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Sacombank.
27. Có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
28. Ban hành các văn bản dưới hình thức phù hợp về phân cấp, giới hạn để Tổng giám đốc điều hành trong các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư, xử lý nợ, mua, bán tài sản, các vấn đề khác liên quan đến nghĩa vụ tài chính của Sacombank.
29. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Sacombank.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Ít nhất mỗi năm một lần đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
11. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Sacombank.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Sacombank và của các đơn vị trong Sacombank.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Sacombank và Cổ đông.

3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Sacombank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
6. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
7. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Sacombank.
9. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Sacombank theo quy định của pháp luật.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Sacombank.
11. Sacombank có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Sacombank.

Điều 54. Hợp Hội đồng quản trị

1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Đối với các phiên họp thường kỳ, Hội đồng quản trị phải lập chương trình nghị sự. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Sacombank hoặc ở những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i). Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

(ii). Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

(iii). Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

(iv). Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Sacombank.

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Sacombank, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 5 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

5. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 55. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định như sau:
 - a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iii). Thời gian, địa điểm họp;
 - (iv). Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v). Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi). Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii). Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii). Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix). Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này.

Chủ tọa, người ghi biên bản và người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại tiết (i) đến tiết (viii) điểm a Khoản này thì biên bản này có hiệu lực.
 - c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank.
2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 56. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sacombank;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Sacombank;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Sacombank theo quy định của Sacombank.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sacombank;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

Trường hợp Sacombank chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, khi Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thì thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát.

- 6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Sacombank.
- 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản trị

- 1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị.
- 2. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Sacombank;
 - d) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ này trong việc quản trị, điều hành Sacombank; giám sát tình hình tài chính của Sacombank, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Sacombank và cổ đông.
2. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
3. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về các hoạt động giám sát của mình; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
5. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
6. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Sacombank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
7. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Sacombank; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Sacombank khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của Pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Sacombank.

9. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Sacombank và người điều hành khác của Sacombank có hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này trong vòng 48 (bốn mươi tám giờ); yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Sacombank; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
11. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
12. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua
14. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
15. Chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Sacombank; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Sacombank, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều 59. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 58 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.
12. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Sacombank và của Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Sacombank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Sacombank.

Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Sacombank theo những thông lệ quản lý tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Sacombank và/hoặc các vấn đề trong giới hạn Hội đồng quản trị quy định mà không cần phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Sacombank.
4. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Sacombank có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của Sacombank được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khi Hội đồng quản trị quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn. Đối với hoạt động cấp tín dụng, xử lý nợ thì thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
5. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
6. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
7. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Sacombank.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

9. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Sacombank.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Sacombank trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
12. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Sacombank theo phân cấp của Hội đồng quản trị, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
14. Ký kết hợp đồng nhân danh Sacombank theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Sacombank.
15. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Sacombank.
16. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp và các quyền lợi khác của người lao động theo thẩm quyền và theo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
17. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Sacombank theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Sacombank và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Sacombank thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Sacombank.
18. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Sacombank.

CHƯƠNG VIII

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA SACOMBANK

Điều 62. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản Sacombank được thành lập:

1. Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính.
2. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.

Điều 63. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Sacombank bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.

Điều 64. Tổ chức lại Ngân hàng

Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG IX PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 65. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Sacombank. Sacombank chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Sacombank đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Sacombank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Sacombank hoặc bằng tài sản khác theo quy định của Pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Sacombank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Sacombank không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Sacombank đã chuyển cho cổ đông này.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Sacombank;
 - b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Sacombank.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Sacombank.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Sacombank không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, 124, 125 Luật Doanh nghiệp. Sacombank phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
7. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Sacombank.

CHƯƠNG X

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 66. Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ:
 - a) Sacombank phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Sacombank;
 - b) Kiểm toán nội bộ là việc rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội

bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Sacombank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Sacombank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng Pháp luật;

c) Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc của Sacombank.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ:

a) Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Sacombank, được xây dựng phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ;

b) Sacombank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

(i). Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

(ii). Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

(iii). Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ;

(iv). Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của Sacombank;

(v). Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(vi). Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho Sacombank.

c) Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Sacombank phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

Điều 67. Tiêu chuẩn đối với Kiểm toán viên nội bộ

Kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ.
2. Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 02 năm đối với kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Trưởng kiểm toán nội bộ; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ.

Điều 68. Trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ

1. Bảo mật tài liệu, thông tin theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Sacombank.
2. Chịu trách nhiệm trước Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trưởng kiểm toán nội bộ về nhiệm vụ kiểm toán được giao.

Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ

1. Nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ:
 - a) Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của Sacombank;
 - b) Xây dựng, rà soát đề trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung:
 - (i) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước;
 - (ii) Quy định nội bộ của Ban kiểm soát;
 - (iii) Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - c) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cá nhân, bộ phận;
 - d) Thực hiện các kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ;
 - e) Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.
2. Quyền hạn của Kiểm toán nội bộ:
 - a) Được trang bị nguồn lực cần thiết (nhân lực, tài chính, tài sản và các công cụ khác);
 - b) Được cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - c) Được phỏng vấn các cá nhân về nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ; kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Sacombank xử lý đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - d) Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo Điều lệ và quy định nội bộ của Sacombank.

Điều 70. Chế độ tài chính

1. Sacombank chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt và ban hành Quy chế tài chính của Ngân hàng để làm căn cứ thực hiện.

Điều 71. Sử dụng Vốn

1. Sacombank được sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Pháp luật đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
Sacombank được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
2. Sacombank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của Pháp luật.

Điều 72. Quỹ dự trữ

1. Hàng năm, Sacombank phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của Sacombank;
 - b) Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Sacombank không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều 73. Tự chủ về tài chính của Sacombank

Sacombank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp luật.

Điều 74. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán

1. Sacombank thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật.
2. Năm tài chính của Sacombank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
3. Sacombank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Sacombank.
4. Sacombank phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của Pháp luật về kế toán.
5. Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được phản ánh trên sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán bằng đồng Việt Nam. Trong trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và

chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, phải quy đổi ra đồng Việt Nam.

6. Sacombank mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, theo sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sacombank có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật. Sacombank tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Sacombank mở tài khoản theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XI

BÁO CÁO HÀNG NĂM, CÔNG KHAI BÁO CÁO

Điều 75. Báo cáo

1. Sacombank phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo các hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật.
2. Sacombank phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Sacombank công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Sacombank.
4. Sacombank phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Sacombank.
6. Sacombank phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Sacombank lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Pháp luật.

8. Sacombank phải lập và gửi các báo cáo định kỳ theo quy định của NHNN. Ngoài ra, Sacombank có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Sacombank;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Sacombank;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của Sacombank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
9. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Sacombank phải gửi NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Công khai báo cáo tài chính

Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Sacombank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XII KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 77. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Sacombank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Sacombank phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Sacombank phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG XIII KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 78. Kiểm soát Đặc biệt

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo NHNN về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với NHNN.

2. Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau:
 - a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
 - b) Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục;
 - d) Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của NHNN.

3. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc:
 - a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt;
 - b) Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;
 - c) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng;
 - d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của NHNN quy định tại Điều 146a Luật các tổ chức tín dụng;
 - e) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b Luật các tổ chức tín dụng.

4. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt:

NHNN xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với Ngân hàng thuộc một trong các trường hợp sau:

 - a) Ngân hàng khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt bảo kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - b) Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
 - c) Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản Ngân hàng.

Điều 79. Phá sản Ngân hàng

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Ngân hàng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của Pháp luật về phá sản.

2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản Ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về phá sản.
3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, NHNN thu hồi Giấy phép của Ngân hàng.

Điều 80. Giải thể Ngân hàng

Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
3. Bị thu hồi Giấy phép.

Điều 81. Thanh lý tài sản của Ngân hàng

1. Trong trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 80 Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng bị giải thể, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản Ngân hàng theo quy định tại Mục 1e Chương VIII Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.
4. Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 82. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Sacombank hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định của Điều lệ này, Luật các Tổ chức tín dụng, luật Doanh nghiệp, các luật khác, giữa:
 - a) Cổ đông với Sacombank;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XV

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 83. Cung cấp thông tin

1. Sacombank cung cấp thông tin cho Chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của Chủ tài khoản theo thỏa thuận với Chủ tài khoản.
2. Sacombank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của mình.
3. Sacombank có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với Sacombank theo quy định của NHNN.

Điều 84. Nghĩa vụ bảo mật

Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của Sacombank không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Sacombank.

Sacombank phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Sacombank.

Sacombank không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại Sacombank cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp có

yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVI

NGÀY HIỆU LỰC, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 85. Ngày hiệu lực, sửa đổi bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Người quản lý, Người điều hành và các chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.
3. Sacombank phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, các báo cáo tài chính năm, nghị quyết/biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Điều lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Sacombank.
4. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Sacombank chưa được đề cập trong Điều lệ này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Sacombank.

Tp.HCM, ngày..... tháng..... năm 2021

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT